TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày: 24-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chí Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Tình;

2. Ông Sơn Hương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Phan Văn P (tên gọi khác: K), sinh năm 1974 tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: 260X/10 Bến C, phường C1, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn T và bà Phan Thị H; Vợ là Đoàn Thị O và 02 người con: lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án: Có 02 tiền án: Ngày 06/3/1998 bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản của công dân"; Ngày 23/11/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1 (một) năm 02 (hai) tháng tù giam về tội "Đánh bạc"; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 21/5/1997 bị Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 (chín) tháng tù giam về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản công dân"; Ngày 06/3/1998 bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" bị cáo P kháng cáo Ngày 11/7/1998 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên y án sơ thẩm; Ngày 12/4/2000 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội trộm cắp tài sản của công dân; Ngày 23/11/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1

(một) năm 02 (hai) tháng tù giam về tội "Đánh bạc"; Bị giữ ngày 04/4/2018 bị bắt ngày 05/4/2018 và chuyển tạm giam từ ngày 07/4/2018 cho đến nay (có mặt).

- *Bị hại:* Chị Phạm Ngọc N (tên gọi khác: Hương), sinh năm 1992. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Lê Thị Diễm T, sinh năm 1999; (vắng mặt có đơn)

Địa chỉ: Ấp N, xã T1, huyện C1, tỉnh Trà Vinh.

2. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986; (vắng mặt có đơn)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Chị Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1982; (vắng mặt có đơn)

Địa chỉ: Khu Phố H1, xã H1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

4. Anh Trương Hoàng K, sinh năm 1974; (vắng mặt có đơn)

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1977. (vắng mặt có đơn)

Địa chỉ: Ấp N, xã N1, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2017, bị cáo Phan Văn P quen biết và nảy sinh tình cảm yêu thương với chị Nguyễn Thị C. Sau đó, bị cáo P và chị C thuê phòng số 31, nhà trọ U thuộc khu phố xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long của chị Nguyễn Thị Kim Đang để sống chung như vợ chồng và cùng làm thuê tại tiệm may M thuộc xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Khoảng 11 giờ, ngày 03/4/2018, bị cáo P gặp anh Nguyễn Văn Đ và được anh Đ rủ đến nhà để uống rượu đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì nghỉ. Sau đó bị cáo rủ anh Đ đi hát Karaoke, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số: 78H3-0864 chở anh Đ đến quán Karaoke N tại ấp 1, xã T, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh để hát và uống bia. Đến quán Karaoke N, bị cáo P và anh Đ vào phòng số 5 và gọi 02 (hai) nữ tiếp viên của quán là chị Lê Thị Diễm T và chị Phạm Ngọc N vào phòng phục vụ việc rót bia. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, bị cáo P thấy trong phòng không còn thức ăn nên kêu chị N ra ngoài lấy thức ăn (càng ghẹ) đem vào phòng tiếp tục hát Karaoke và uống bia. Khi chị N đứng dậy ra khỏi phòng thì làm rơi 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, màu trắng - vàng, có gắn ốp lưng viền màu đen, mặt sau ốp lưng màu trắng - hồng có hình con mèo ngủ, trên ghế salon gần chỗ bị cáo P đang ngồi, bị cáo P phát hiện nhưng không thông báo cho chị N biết. Lúc này, bị cáo P nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại đem về sử dụng cá nhân. Để thực hiện hành vi lấy trộm,

bị cáo quan sát thấy anh Đ và chị T đang hát Karaoke không quan sát xung quanh nên bị cáo liền dùng tay trái lén lút lấy trộm điện thoại nêu trên bỏ vào túi quần dài bên trái đang mặc trên người. Sau đó bị cáo đi đến nói với anh Đ là thấy trong người mệt nên về trước. Khi ra khỏi phòng, bị cáo điều khiển xe mô tô, biển số 78H3-0864 đi về phòng trọ số 31 của nhà trọ U để cất giấu điện thoại vừa trộm được. Bị cáo tháo ốp lưng điện thoại giấu vào bên trong lồng nồi cơm điện, còn điện thoại thì bị cáo không biết tắt nguồn nên cất giấu phía dưới thùng giấy cạnh khu vực bếp ăn trong phòng trọ để tránh bị phát hiện, cất giấu điện thoại xong bị cáo đi ngủ.

Chị N mang thức ăn quay trở lại phòng hát Karaoke thì thấy điện thoại của mình đã bị mất, đồng thời không nhìn thấy bị cáo P nên đến Công an xã T trình báo sự việc. Nhận thấy vụ việc vượt quá thẩm quyền nên Công an xã T chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè. Quá trình điều tra, ngày 04/4/2018 chị C phát hiện 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng - vàng và 01 (một) ốp lưng có viền màu đen, mặt sau ốp lưng màu trắng - hồng có hình con mèo ngủ tại phòng trọ 31 nhà trọ U, nghi vấn là tài sản mà bị cáo P trộm cắp được mà có nên chị C giao nộp cho Cơ quan điều tra. Tiến hành làm việc với bị cáo P, bị cáo đã khai nhận hành vi trộm cắp của bản thân như đã nêu trên. Ngày 04/4/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp để xác minh, làm rõ.

Ngày 05/4/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C có yêu cầu định giá tài sản gồm: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng - vàng, mua vào năm 2017 với giá 4.500.000 đồng và 01 (một) ốp lưng điện thoại viền màu đen, mặt sau màu trắng - hồng có hình con mèo ngủ với giá 90.000 đồng. Ngày 05/4/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C có Bản kết luận định giá tài sản số: 06/BKL-HĐĐG xác định tại thời điểm ngày 03/4/2018 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng - vàng có giá 3.150.000 đồng và 01 (một) ốp lưng có giá 45.000 đồng. Xét thấy hành vi của bị cáo P đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" nên ngày 06/4/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh tạm giam để tiếp tục điều tra, làm rõ.

Tại Cáo trạng số 12/CT-VKS-HS ngày 26/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Phan Văn P về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phan Văn P từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét. Về vật chứng vụ

án: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng - vàng và 01 (một) ốp lưng điện thoại viền màu đen, mặt sau màu trắng - hồng có hình con mèo ngủ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã xử lý xong nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Phan Văn P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng thể hiện là đúng, bị cáo không bổ sung hay khiếu nại về nội dung Cáo trạng.

Bị hại chị Phạm Ngọc N sau khi nhận lại tài sản bị mất trộm còn nguyên vẹn, không bị hư hỏng nên không yêu cầu bị cáo Phan Văn P bồi thường.

Bị cáo Phan Văn P nói lời sau cùng: Bị cáo cảm thấy ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình tố tụng Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Xét hành vi của bị cáo Phan Văn P: Bị cáo P khai nhận khoảng 17 giờ ngày 03/4/2018 tại phòng số 5 của quán Karaoke N thuộc ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh bị cáo có hành vi lén lút lấy trộm 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng - vàng mặt sau có gắn ốp lưng viền màu đen, mặt sau ốp lưng màu trắng - hồng có hình con mèo ngủ của chị Phạm Ngọc N. Bị cáo thống nhất với Bản kết luận của Hội đồng định giá và nội dung Cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Phan Văn P về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bởi lẽ, ngày 23/11/2016 bị cáo P bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù giam về tội "Đánh bạc" và buộc nộp bổ sung số tiền 5.000.000 đồng sung quỹ nhà nước, buộc nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo P đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 25/3/2017, phần án phí hình sự sơ thẩm và hình phạt bổ sung bị cáo P chưa chấp hành. Bị cáo P đã có 01 tiền án (có áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự tái phạm) chưa được xóa án tích

nhưng ngày 03/4/2018 bị cáo P lại cố ý thực hiện hành vi lấy trộm tài sản người khác. Do đó, hành vi của bị cáo P thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo P là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho đại bộ phận người dân nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, làm cho họ không an tâm trong việc bảo quản tài sản của mình, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội; Bị cáo có đủ khả năng nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm; Bị cáo là thanh niên trẻ, có đầy đủ sức khỏe, lẽ ra bị cáo phải lo chí thú làm ăn bằng chính sức lao động của mình để tạo ra của cải, vật chất lo cho bản thân và gia đình hay tích cực cùng với chính quyền địa phương bảo vệ trật tự, trị an trong xóm ấp, bảo vệ thành quả lao động chính đáng của gia đình, của bản thân, của bà con lối xóm. Không làm được như vậy mà bị cáo lại học đòi theo những phần tử xấu, lười lao động, thích ngồi không hưởng lợi, ham muốn nhanh chóng có tài sản nhưng không phải lao động chân chính nên đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác, do ý thức xem thường pháp luật mà dẫn đến phạm tội.

Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly xã hội đối với bị cáo một thời gian để bị cáo có điều kiện học tập và cải tạo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe, phòng chống tội phạm cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Phan Văn P cũng cần xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại nguyên vẹn; Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thì bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Từ những tình tiết nêu trên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã xử lý vật chứng xong, đúng theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phan Văn P phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Bị cáo; bị hại được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; Các điểm h, s khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Văn P 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị giữ bị cáo là ngày 04/4/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè đã xử lý xong nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo Phan Văn P nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Tình **Sơn Hương** **Trần Văn Chí Công**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Công an huyện Cầu Kè ;
- CCTHADS huyện Cầu Kè ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Chí Công